

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30** /2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2022
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đoàn

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Năng Long;

2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thanh Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Bích T, sinh năm 1991.

HKTT: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ hiện nay: Đường L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Hồ Trường G, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn M, xã Ea Ktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích T trình bày:*

Tôi và ông Hồ Trường G tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đăng ký kết

hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 22/02/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng xây nhà trên đất của bố mẹ ông G cho năm 2019 và vợ chồng chung sống với nhau tại thôn M, xã E, huyện C được một thời gian thì đến đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn không chung sống từ ngày 06/7/2022 thì ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Các bên đã nhiều lần thỏa thuận với nhau và hòa giải nhưng không thành. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông G.

Về con chung: Quá trình chung sống, tôi và ông Hồ Trường G có 01 con chung là cháu Hồ Đức Minh Q, sinh ngày 09/9/2017, tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Hiện tại công việc chính của tôi là Y sĩ đa khoa tại Trạm y tế xã C, huyện C với mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 5.200.000 đồng. Còn ông G chỉ có thu nhập từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng tiền thu hoạch tiêu mỗi năm, vì giá tiêu thấp, không đúng như ông G trình bày. Sau khi ly thân tôi và cháu Q về sinh sống cùng mẹ đẻ của tôi tại đường L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, trước khi đi làm tôi đều lo cho con đầy đủ, tôi đi làm giờ hành chính một tuần 03 ngày, cách 08 ngày trực 01 lần, mẹ tôi chỉ ở nhà một mình nên hỗ trợ giúp cho tôi trong việc nuôi con. Nên bản thân tôi đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu ông G cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Trường G:*

Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa tôi và bà T thì đúng như bà T trình bày. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Quá trình chung sống, tôi và bà T có 01 con chung là cháu Hồ Đức Minh Q, sinh ngày 09/9/2017. Tôi có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, bản thân tôi hiện tại có nhà ở ổn định mà tôi và bà T đã xây trên đất của cha mẹ tôi cho, tôi đang sử dụng và canh tác trên diện tích 6.000m² mà cha mẹ tôi nhận giao khoán của Công ty TNHH Cà phê E tại đội B, thôn M, xã E, huyện C trồng cây cà phê, tiêu và tôi đang làm đơn xin Công ty để nhận khoán lại diện tích đất này, thu nhập hàng năm của tôi từ 150 triệu đồng đến 200 triệu đồng. Ngoài ra cháu Q bị bệnh hen phế quản di truyền, công việc của bà T do đi lại từ nơi ở đến cơ quan xa, sáng đi tối mới về nên tôi sẽ có nhiều thời gian để chăm sóc cháu hơn bà T và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, thủ tục giải quyết và việc thu thập chứng cứ theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng từ khi khai mạc phiên tòa đến khi kết thúc phần tranh luận.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích T.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Bích T và ông Hồ Trường G.

Về con chung: Giao 01 cháu cháu Hồ Đức Minh Q, sinh ngày 09/9/2017 cho bà Bùi Thị Bích T chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, Viện kiểm sát, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Bích T và ông Hồ Trường G đều có mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Bích T và ông Hồ Trường G đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/02/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Bùi Thị Bích T và ông Hồ Trường G qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau thôn M, xã E, huyện C được một thời gian thì đến đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Các bên đã nhiều lần thỏa thuận với nhau và hòa giải nhưng không thành. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông G. Tại phiên tòa, bà T và ông G đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Bích T và ông Hồ Trường G.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hồ Đức Minh Q, sinh ngày 09/9/2017. Hiện nay đang ở với bà T, ông G và bà T đều có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Q còn nhỏ và từ trước đến nay đều do bà T chăm sóc nuôi dưỡng, khi các bên ly thân thì bà T về nhà mẹ đẻ (là bà Lê Thị Như X tại đường L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk), bà X là người đang sống một mình, ngoài việc hỗ trợ chăm sóc cháu Q khi bà T đi làm ra thì không phải chăm sóc nuôi dưỡng ai. Xét thấy, bà T làm nghề y sĩ, có thu nhập và điều kiện ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng chăm sóc con, cháu Q hiện đang học tập, sinh hoạt ổn định ở trường mẫu giáo L và đang bị bệnh hen di truyền, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu Q và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần giao cháu Q cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Bà Bùi Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án*”.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Bích T

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Bích T và ông Hồ Trường G.

2. Về nuôi con: Giao 01 cháu cháu Hồ Đức Minh Q, sinh ngày 09/9/2017 cho bà Bùi Thị Bích T chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0017219 ngày 09/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bà T đã nộp xong tiền án phí.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn